

Số: 80/TTr-UBND

Hà Nam, ngày 14 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Hà Nam.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ vào chỉ tiêu thu, nhiệm vụ chi ngân sách xã năm 2026;

Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026 như sau:

I. THU NGÂN SÁCH (Biểu số 01)

1. Thu NSNN trên địa bàn: 165.218 triệu đồng. Trong đó:

1.1 Thu nội địa

- Thu thuế NQD 3.135 triệu đồng;
- Lệ phí trước bạ 5.150 triệu đồng ;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 470 triệu đồng;
- Thu tiền sử dụng đất 2.000 triệu đồng;
- Thu tiền thuê đất 210 triệu đồng
- Thu phí và lệ phí 370 triệu đồng ;
- Thu khác ngân sách 230 triệu đồng ;

- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác 370 triệu đồng.

1.2 Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 152.203 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu: 1.080 triệu đồng

2. Thu ngân sách xã: 159.888 triệu đồng. Trong đó:

1.1 Thu nội địa

- Thu thuế NQD 1.690 triệu đồng;
- Lệ phí trước bạ 3.175 triệu đồng ;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 470 triệu đồng;
- Thu tiền sử dụng đất 400 triệu đồng;
- Thu tiền thuê đất 84 triệu đồng
- Thu phí và lệ phí 370 triệu đồng ;
- Thu khác ngân sách 46 triệu đồng ;
- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác 370 triệu đồng.

1.2 Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 152.203 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu: 1.080 triệu đồng

II. CHI NGÂN SÁCH XÃ

1. Về nguyên tắc phân bổ ngân sách

- Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND Thành phố Hải Phòng quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2026.

- Phân bổ ngân sách xã dựa trên cơ sở dự toán thành phố giao, đảm bảo công khai minh bạch, thực hiện nghiêm túc Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật phòng, chống tham nhũng và các quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

- Phân bổ dự toán chi phải cơ bản đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã, đồng thời tạo điều kiện cho các cơ quan, các ngành, đơn vị dự toán tăng cường tính tự chủ, chủ động quyết định ngân sách của mình, khuyến khích tăng cường công tác quản lý tài chính, phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi, sử dụng ngân sách hiệu quả.

2. Dự kiến phân bổ chi ngân sách xã (Biểu số 02,04)

2.1: Tổng chi ngân sách xã 159.888 triệu đồng gồm:

- Chi đầu tư phát triển 400 triệu đồng (trong đó: chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất 400 triệu đồng);
- Chi thường xuyên: 156.353 triệu đồng. Trong đó:

- + Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề: 83.152 triệu đồng
- + Chi khoa học công nghệ: 390 triệu đồng
- + Chi quốc phòng: 2.543 triệu đồng
- + Chi an ninh trật tự: 2.084 triệu đồng
- + Chi y tế dân số: 5.166 triệu đồng
- + Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 1.459 triệu đồng
- + Chi phát thanh truyền hình: 300 triệu đồng
- + Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 355 triệu đồng
- + Chi sự nghiệp môi trường: 2.356 triệu đồng
- + Chi sự nghiệp kinh tế (Giao thông, nông nghiệp, thủy lợi, kinh tế khác): 3.755 triệu đồng
- + Chi quản lý hành chính Đảng, đoàn thể, HĐND: 28.303 triệu đồng.
- + Chi đảm bảo xã hội: 25.712 triệu đồng.
- + Chi thường xuyên khác: 778 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 3.135 triệu đồng;

2.2. Một số định mức hoạt động cụ thể

2.2.1. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

- Chi quản lý hành chính:

Nguyên tắc chung: Đảm bảo chế độ con người (tiền lương, các khoản phụ cấp, đóng góp, tăng lương định kỳ), chi hoạt động thường xuyên (48 triệu đồng/biên chế), đảm bảo kinh phí hoạt động của HĐND cấp xã (30 triệu đồng/1 đại biểu HĐND theo định mức của xã), bố trí các khoản chi đặc thù gắn với nhiệm vụ chi của từng ngành, chi mua sắm sửa chữa bảo dưỡng tài sản, kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo tiêu chuẩn định mức quy định và bố trí kinh phí khoán xe công theo định mức tiêu chuẩn 260 triệu đồng/xe/năm.

- Chi kinh phí Đảng (Văn phòng Đảng ủy, các ban của Đảng): Chi con người: Đảm bảo đầy đủ nhiệm vụ chi cho con người theo biên chế được giao như lương, thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ. Chi nghiệp vụ thường xuyên: 61 triệu đồng/biên chế. Kinh phí xe ô tô: 260 triệu đồng/xe/năm.

- Chi kinh phí Hội, đoàn thể (Mặt trận Tổ quốc, Hội phụ nữ, đoàn thanh niên, Hội nông dân, hội CCB): Chi con người: Đảm bảo đầy đủ nhiệm vụ chi cho con người theo biên chế được giao như lương, thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ. Chi nghiệp vụ thường xuyên: Theo biên chế giao xã mức 48 triệu/1 biên chế.

- Chi các thôn khu dân cư: Chi đảm bảo thực hiện các Cuộc vận động và các phong trào cấp xã: 100.000.000 đồng/năm. Chi hỗ trợ thực hiện Cuộc vận

động và các Phong trào được phát động ở thôn, khu dân cư: Thôn có quy mô dân số dưới 700 hộ dân là 5.000.000 đồng/năm/thôn. Thôn quy mô dân số cứ tăng thêm 200 hộ dân so với định mức này thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/năm/thôn.

2.2.2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp

- Chi sự nghiệp giáo dục:

- Định mức phân bổ theo quỹ lương và chi hoạt động. Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Các trường THCS, Tiểu học, Mầm non: Tỷ lệ chi tiền lương, thưởng, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp...) theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng tối đa 81%. Tỷ lệ chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương đảm bảo tối thiểu 19% tương ứng tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp...) của mức lương cơ sở 1.490.000 đồng. Bổ sung thêm chi phí quản lý giáo dục theo tiêu chí dân số.

- Chi sự nghiệp môi trường:

Thực hiện vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các nhà máy xử lý rác để đốt thì định mức phân bổ là 95.000 đồng/người/năm.

Định mức trên đã bao gồm: hoạt động thường xuyên sự nghiệp môi trường (bao gồm cả nhiệm vụ thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật vô chủ tại địa phương), kinh phí chi cho công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường, tổ chức truyền thông về ngày môi trường thế giới, kinh phí mua hóa chất xử lý rác thải tập trung, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, các hoạt động thường xuyên sự nghiệp môi trường.

- Chi các hoạt động kinh tế:

- Giao thông, kinh tế, kiến thiết thị chính:

+ Chi các hoạt động kiến thiết thị chính: 1.500 triệu đồng gồm chi duy trì hoạt động hệ thống điện chiếu sáng, trồng bổ sung cây xanh, sửa chữa, xây dựng hệ thống bờ lốc vỉa hè, thoát nước, giao thông... trong phạm vi địa giới hành chính quản lý.

+ Các sự nghiệp kinh tế khác: 1.000 triệu đồng bao gồm: Kinh phí kiểm kê đất đai, kinh phí xác định giá đất cụ thể; kinh phí kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2026-2030; kinh phí lập quy hoạch; kinh phí điều chỉnh quy hoạch phân khu.

- Chi sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi:

+ Chi con người: Đảm bảo đầy đủ nhiệm vụ chi cho con người theo biên chế được giao (lương, thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ).

+ Chi hoạt động thường xuyên: 36 triệu/1 biên chế.

Tiêu chí xác định theo diện tích đất nông nghiệp, số ki lô mét (km) đê.

Định mức phân bổ: Chi hoạt động nghiệp vụ: 147.000 đồng/ha đất nông nghiệp/năm và 19 triệu đồng/km đê/năm.

Định mức trên bao gồm: chi hoạt động thường xuyên sự nghiệp nông nghiệp, phòng chống lụt bão, chi cho công tác phòng chống lụt bão thủy lợi nội đồng, kinh phí chi cho ban chỉ đạo nông thôn mới, ban chỉ đạo diệt chuột, kinh phí lực lượng tuần tra canh gác đê; quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn; kinh phí và tổ chức phòng, chống dịch bệnh động vật; kinh phí xử lý ổ dịch bệnh động vật; kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi; các nhiệm vụ thường xuyên khác.

- Chi bảo đảm xã hội

+ Tiêu chí xác định theo đối tượng bảo trợ xã hội và dân số.

Định mức phân bổ:

+ Trợ cấp cho các đối tượng đảm bảo xã hội được tính theo số đối tượng được hưởng và chế độ chính sách quy định hiện hành.

Định mức bao gồm: Các nhiệm vụ phát sinh khác: Hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, tập huấn, thẩm định hồ sơ, chi khác phục vụ cho công tác quản lý; Kinh phí chi trợ cấp đột xuất, chi hỗ trợ cho đối tượng lang thang cơ nhỡ, Kinh phí chi thăm hỏi ngày lễ, tết do cấp xã quyết định; Kinh phí chi phí dịch vụ chi trả trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cấp xã, Kinh phí thu thập, cập nhật, chỉnh sửa tổng hợp thông tin người lao động trên địa bàn; kinh phí trông coi nghĩa trang liệt sỹ.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin

+ Đảm bảo chế độ con người (tiền lương, các khoản phụ cấp, đóng góp, tăng lương định kỳ);

+ Đảm bảo kinh phí chi hoạt động theo định mức 36 triệu/biên chế, bố trí kinh phí chi nghiệp vụ.

Định mức trên bao gồm: chi lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp của biên chế được giao, hoạt động thường xuyên sự nghiệp văn hóa thông tin, bổ sung tủ sách thư viện, chi khen thưởng làng văn hóa, chi cho công tác tuyên truyền

các ngày lễ lớn, trùng tu cải tạo các di tích, kinh phí trang trí ngày lễ, tết và chi khác cho sự nghiệp văn hóa thông tin.

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao:

+ Tiêu chí xác định theo dân số: 300 triệu đồng/ năm

Định mức trên bao gồm: hoạt động thường xuyên sự nghiệp thể dục thể thao; tăng cường huấn luyện, hướng dẫn hoạt động nghiệp vụ thể thao trong tổ chức xã hội, nhân dân; công tác huấn luyện phục vụ thi đấu các giải, tổ chức các giải đấu thể thao cấp xã, thay thế trang thiết bị thể dục thể thao, hoạt động thường xuyên sự nghiệp thể dục thể thao;

- Chi sự nghiệp phát thanh truyền thanh

+ Tiêu chí xác định theo dân số: 300 triệu đồng/ năm

Định mức trên bao gồm: hoạt động thường xuyên sự nghiệp phát thanh truyền hình, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ như nâng cao thời lượng phát sóng, chất lượng tin bài, các nhiệm vụ chuyên môn phát thanh truyền hình;

- Chi sự nghiệp Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

+ Bố trí kinh phí để thực hiện duy trì, nâng cấp, mua sắm phần mềm.

+ Bố trí kinh phí chỉnh lý tài liệu; chi hỗ trợ cán bộ làm công tác chuyển đổi số theo NĐ179 (5tr/người/tháng).

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình.

Tiêu chí xác định theo biên chế được giao và tiêu chí dân số.

Định mức phân bổ:

+ Chi cho con người: Đảm bảo đầy đủ chế độ chi cho con người bao gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy định.

+ Chi công việc, hoạt động nghiệp vụ thường xuyên: 200 triệu đồng/năm;

Định mức trên bao gồm: chi lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp của biên chế được giao (trạm y tế xã), kinh phí hoạt động thường xuyên của Trạm y tế xã, kinh phí cho các nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh, kinh phí khám tuyến nghĩa vụ quân sự hàng năm phát sinh trên địa bàn xã;

- Chi an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Tiêu chí xác định theo dân số. Định mức phân bổ: 300 triệu đồng/năm;

Định mức trên bao gồm: kinh phí hoạt động thường xuyên nhiệm vụ an ninh tại xã (Chi tuyên truyền, vận động phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng cháy chữa cháy...); thực hiện các đề án về an ninh.

- Chi Quốc phòng

Tiêu chí xác định theo dân số. Định mức phân bổ: 300 triệu đồng/năm;

Định mức trên bao gồm: kinh phí hoạt động thường xuyên nhiệm vụ quốc phòng tại xã, phường, đặc khu.

- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Xác định trên cơ sở tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức phân bổ, nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách (0,5% tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức phân bổ).

- Định mức các khoản chi thường xuyên trên chưa tính trừ tiết kiệm 10% theo quy định.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN NĂM 2026

1. Thu ngân sách

- Chủ động phấn đấu tăng thu theo các chỉ tiêu so với dự toán được giao, đề xuất các giải pháp tăng thu, phấn đấu hoàn thành dự toán thu được giao ở mức cao nhất.

- Chỉ đạo quyết liệt thực hiện các biện pháp quản lý thuế, chống thất thu thuế, thu hồi nợ đọng thuế đúng, đủ, kịp thời. Quản lý chặt chẽ các nguồn thu, tiếp tục triển khai các giải pháp thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, nhất là từ bất động sản và chống thất thu thuế...

- Quyết liệt cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng nhằm thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững, tạo nguồn thu ngân sách ổn định và vững chắc.

2. Chi ngân sách

Trên cơ sở số giao dự toán của thành phố, UBND xã đã xác định nhiệm vụ của các ngành, các đơn vị sử dụng ngân sách xã để tính toán định mức xây dựng phù hợp. Để điều hành ổn định, đáp ứng kịp thời nguồn đã giao cho các đơn vị, UBND xã đề xuất một số giải pháp như sau:

- Các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định. Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cần thực hiện triệt để Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Luật Phòng chống tham nhũng trong việc sử dụng kinh phí từ ngân sách và kinh phí có nguồn gốc từ NSNN. Tăng cường quản lý điều hành tài chính ngân sách gắn với các ưu tiên phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh, quốc phòng; tập trung ngân sách vào các nhiệm vụ cơ bản, thiết yếu, đảm bảo nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội, bám sát và thực hiện tốt các mục tiêu Đại hội Đảng bộ các cấp.

- Chủ động thực hiện các quy định hiện hành về chính sách tạo nguồn để cải cách tiền lương trong năm 2026 từ tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các

khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); nguồn cải cách tiền lương đến hết năm 2025 còn dư chuyển sang (nếu có). Đồng thời, dành 70% nguồn tăng thu thực hiện so với dự toán để tạo nguồn cải cách tiền lương ...

- Tăng cường phối hợp, triển khai công tác kiểm tra, giám sát và thực hiện, công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước. Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

- Trong quá trình điều hành dự toán thu chi ngân sách phải đảm bảo sự ổn định cân đối ngân sách cả năm, đề nghị HĐND xã tiếp tục giao cho UBND xã chủ động thực hiện các biện pháp điều hành ngân sách chủ động, linh hoạt. Trên cơ sở giám sát số thu vào ngân sách chủ động kịp thời điều hành dự toán chi cho phù hợp trên cơ sở thống nhất ý kiến với Thường trực HĐND xã. Trường hợp tăng thu sẽ được sử dụng theo quy định, bổ sung chi đầu tư phát triển, đảm bảo các nhiệm vụ an sinh xã hội và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trường hợp nếu hụt thu sẽ giảm chi tương ứng.

Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026./.

Nơi nhận:

- TT. ĐU-TT. HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã; các ban HĐND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đức Ban